

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 4 - 2019
V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Trần Ngọc Luân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1977.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn V, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Hiện đã bị tuyên bố mất tích.

Phiên tòa có mặt chị Th, vắng mặt anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21 tháng 12 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân B lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam ngày 13 tháng 11 năm 2003. Sau khi cưới vợ chồng cùng nhau chung sống tại nhà mẹ nuôi của anh B ở thôn V, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cho đến khoảng cuối năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế gia đình khó khăn, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, đánh cãi chửi nhau, song chị vẫn cố gắng chịu đựng để nuôi dạy con chung, tuy nhiên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày một căng thẳng hơn, nên ngày 10/5/2008, anh B đã

lấy quần áo tự ý bỏ mẹ con chị đi khỏi nơi cư trú cuối cùng là thôn V, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Từ khi bỏ đi cho đến nay, anh B không liên lạc gì với chị và gia đình, chị và gia đình cũng không có tin tức gì của anh B. Vì vậy chị đã làm đơn yêu cầu và được Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng ra Quyết định số 05/2018/QĐST-VDS ngày 16 tháng 11 năm 2018 tuyên bố anh Nguyễn Xuân B mất tích. Nay chị xác định tình cảm giữa vợ chồng đã thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh B đã bị tuyên bố mất tích. Do đó chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân B theo quy định của pháp luật.

Về con cái: Chị Th trình bày, vợ chồng không có con riêng, chỉ có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 07/9/2004 và cháu Nguyễn Việt Th, sinh ngày 12/12/2006, hiện cả 02 cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, kể từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Chị Th trình bày cho đến nay vợ chồng không có gì, nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì thêm, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Xuân B. Giao cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 07/9/2004 và cháu Nguyễn Việt Th, sinh ngày 12/12/2006 cho chị Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, kể từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th, ngoài ra còn đề nghị về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Xuân B khi bị Tòa án tuyên bố mất tích có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng là thôn V, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Từ khi bị tuyên bố mất tích đến nay vẫn không có tin tức gì xác thực hiện

anh B đang làm gì, ở đâu, nên việc Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng anh B không đến Tòa án để làm việc; ngày 07/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa rồi niêm yết theo quy định, nhưng anh B không có mặt nên Tòa án phải hoãn phiên tòa và niêm yết quyết định nêu trên. Tại phiên tòa lần thứ hai anh B vẫn vắng mặt không lý do, nên đây thuộc trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Xuân B lấy nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam ngày 13 tháng 11 năm 2003. Phải khẳng định đây là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên anh chị chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế gia đình khó khăn, dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm rồi xảy ra to tiếng, đánh cãi chửi nhau. Đáng lẽ ra trong lúc khó khăn, anh B phải biết lo toan tính toán để cùng chị Th cố gắng khắc phục vươn lên trong cuộc sống, thì anh B lại để mặc chị Th một mình nuôi 02 con nhỏ rồi tự ý bỏ nhà đi khỏi nơi cư trú cuối cùng là thôn V, xã N, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam từ ngày 10/5/2008 cho đến nay không có tin tức gì, chứng tỏ anh B không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Do đó trên cơ sở yêu cầu của chị Th, ngày 16 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã tuyên bố anh Nguyễn Xuân B mất tích. Từ khi bị Tòa án tuyên bố mất tích cho đến nay cũng không có tin tức gì về anh B. Xét yêu cầu của chị Th thấy tình cảm giữa vợ chồng chị Th và anh B đã thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Xuân B theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con cái: Vợ chồng chị Th, anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 07/9/2004 và cháu Nguyễn Việt Th, sinh ngày 12/12/2006. Kể từ khi anh B bỏ đi cho đến nay, chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, đến nay chị Th có mong muốn được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi các cháu trưởng thành, lao động tự lập được và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của chị Th, phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[4] Về con riêng; tài sản chung, riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Chị Th xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có gì, không có yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, nên chị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1.1 Điều 1 mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Xuân B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 07/9/2004 và cháu Nguyễn Việt Th, sinh ngày 12/12/2006 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đồng chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001476 ngày 16/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, chị Th đã nộp đủ tiền án phí. Anh B không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Xuân B vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã N;
- Công TTĐT của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án + văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh